

Nâng cao hiệu quả cho vay người nghèo thông qua các tổ chức tài chính vi mô tại Việt Nam

ThS. TRẦN THANH LONG

Học viện Ngân hàng - Phân viện Phú Yên

Trong thời gian qua, nguồn vốn tín dụng đóng vai trò đòn bẩy rất quan trọng giúp người nghèo đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh, qua đó vươn lên thoát nghèo. Với những đặc thù của mình, người nghèo tại Việt Nam thường tiếp cận vốn tín dụng thông qua các tổ chức tài chính vi mô (TCVM). Các tổ chức TCVM là người bạn đồng hành, gần gũi với người nghèo. Kết quả hoạt động cho vay người nghèo của các tổ chức TCVM đã đạt được những thành công ấn tượng. Tuy nhiên, đó chỉ là những thành công bước đầu, còn nhiều hạn chế, tồn tại cần khắc phục để từng bước nâng cao hiệu quả cho vay người nghèo của các tổ chức TCVM trong thời gian tới.

1. Khái niệm và vai trò của tín dụng đối với người nghèo

1.1. Khái niệm tín dụng dành cho người nghèo

Người nghèo là những người không có tài sản. Đây là một khái niệm phổ biến, mang tính định tính, tùy thuộc vào mức sống, quy định của mỗi quốc gia, địa phương. Theo quy định của Việt Nam, chuẩn nghèo được xây dựng dựa trên thu nhập bình quân đầu người hàng năm, có phân biệt giữa khu vực nông thôn và thành thị.

Tín dụng đối với người nghèo là những khoản tín dụng dành riêng cho những người nghèo, có sức lao động, nhưng thiếu vốn để phát triển sản xuất. Trong một thời gian nhất định, người vay phải hoàn trả số

vốn gốc và lãi. Hình thức này giúp người nghèo vượt qua tình trạng nghèo đói và vươn lên hòa nhập vào cuộc sống cộng đồng. Tín dụng đối với người nghèo hoạt động theo những mục tiêu, nguyên tắc, điều kiện riêng khác với các loại hình tín dụng của các ngân hàng thương mại.

1.2. Vai trò của tín dụng đối với người nghèo

Một là, tăng thu nhập hộ gia đình: Cung cấp tín dụng được xem là một công cụ chủ chốt nhằm phá vỡ vòng luẩn quẩn: Thu nhập thấp- tiết kiệm ít- sản lượng thấp của người nghèo. Tín dụng cung cấp nguồn vốn giúp người nghèo tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đa dạng các khoản thu nhập ngoài sản xuất nông nghiệp, có các khoản thu nhập khác từ tiểu thủ công



ngiệp, thương mại, kinh doanh nhỏ, đồng thời, góp phần giúp người nghèo tránh, giảm rủi ro về kinh tế và cuộc sống, từ đó tăng thu nhập hộ gia đình. Trong khi thu nhập không tự động tăng lên, nguồn vốn vay không cần tài sản thế chấp ban đầu là cơ sở nền tảng cho việc lên kế hoạch khởi động sản xuất, mở rộng kinh doanh, nhằm cải thiện thu nhập và cuộc sống của chính họ.

Hai là, giúp người nghèo nâng cao kiến thức và khả năng tiếp cận thị trường: Vốn tín dụng được cung cấp nhưng gắn với trách nhiệm phải hoàn trả lại vốn gốc và lãi đã buộc những người vay phải thật sự có những tính toán nghiêm túc về hiệu quả của các phương án đầu tư, sử dụng vốn. Để làm được điều đó, bản thân những người nghèo phải chủ động trong việc học hỏi kỹ thuật sản xuất, kỹ năng quản lý, bán hàng, kỹ năng tiếp cận với thị trường... qua đó tạo cho họ tính năng động, sáng tạo trong lao động sản xuất, tích lũy kinh nghiệm quản lý kinh tế để có thể tồn tại trong nền kinh tế thị trường.

Ba là, tạo dựng tài sản, cải thiện sức khỏe và đầu tư nhiều hơn cho giáo dục: Nhờ tăng thu nhập, người nghèo có thể tích lũy tài sản, tiết kiệm và khả năng vay vốn để tái đầu tư mở rộng sản xuất, nhà xưởng, hoặc xa hơn nữa có thể thuê thêm nhân công tạo công ăn việc làm cho lao động tại địa phương; mua đất đai xây dựng hoặc cải tạo nhà ở, vật nuôi. Bên cạnh đó, nhờ tiết kiệm và tài sản được tích lũy, người nghèo thay vì phải chạy ăn từng bữa, tồn tại từ ngày này sang ngày khác, sẽ có những kế hoạch dài lâu và định hướng cho tương lai. Hộ gia đình có nhiều điều kiện để quan tâm đến dinh dưỡng, cải thiện điều kiện sống, chủ động tìm kiếm và chi trả cho dịch vụ y tế thay vì đến các cơ sở y tế khi tình trạng sức khỏe đã trở nên tồi tệ. Tăng thu nhập đồng nghĩa với việc hộ gia đình có thể cho con cái của họ tiếp cận dịch vụ giáo dục, đầu tư nhiều hơn với thời gian dài hơn.

Bốn là, tăng quyền cho phụ nữ, góp phần tạo sự bình đẳng giới: Trong rất nhiều chương trình TCVM, phụ nữ nghèo là đối tượng khách hàng ưu tiên, chủ yếu của các sản phẩm tài chính. Bởi phụ nữ là những người tiết kiệm tích cực và có tỉ lệ hoàn trả các khoản vay cao hơn đàn

ông. Đồng thời, phần lớn trong các hộ gia đình nghèo, họ là trụ cột chính kiếm tiền nuôi cả gia đình. Tuy nhiên, phụ nữ nghèo cũng chính là đối tượng chịu nhiều thiệt thòi và dễ bị tổn thương ngay tại gia đình mình. Nguồn vốn tín dụng sẽ giúp cho phụ nữ có điều kiện tham gia làm kinh tế, tạo thu nhập, qua đó khẳng định vị thế của mình đối với gia đình. Bằng cách này hay cách khác, họ sẽ đóng góp đáng kể vào tài chính gia đình và thực tế này giúp họ giành thêm sự tôn trọng từ phía chồng con, có thể thương lượng với chồng giúp đỡ việc nhà, tránh các cãi vã về tiền bạc, và được họ hàng, gia đình nhà chồng coi trọng hơn.

2. Thực trạng cho vay người nghèo thông qua các tổ chức tài chính vi mô tại Việt Nam

2.1. Những kết quả đạt được

Trong thời gian qua, người nghèo tại Việt Nam chủ yếu tiếp cận nguồn vốn tín dụng thông qua các tổ chức TCVM. Tại Việt Nam có hàng trăm tổ chức cung cấp dịch vụ TCVM thuộc ba khu vực:

- Khu vực chính thức gồm: Hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân, Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

- Khu vực bán chính thức gồm: Các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước và chương trình của các tổ chức xã hội.

- Khu vực phi chính thức gồm: Các nhóm cho vay tương hỗ dưới hình thức phường, họ, hội, cho vay nặng lãi...

Trong số các tổ chức TCVM tại Việt Nam, hệ thống NHCSXH được xem là đóng vai trò chủ đạo cung ứng tín dụng đối với các hộ nghèo và các đối tượng chính sách. Tín dụng chính sách là một cấu phần quan trọng trong chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững của Việt Nam. Trong những năm qua, hệ thống chính sách tín dụng ưu đãi không ngừng được hoàn thiện, tạo điều kiện cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước nhằm cải thiện và từng bước nâng cao điều kiện sống, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện ở các vùng nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Cụ thể một số kết



quả đã đạt được như sau:

- Các chương trình tín dụng được thực hiện với thủ tục thuận lợi, đơn giản, hộ nghèo không phải thế chấp tài sản; thông qua Tổ tiết kiệm và vay vốn

tại xóm, thôn, ấp, bản, hộ nghèo được hướng dẫn để thực hiện quy trình, hồ sơ, thủ tục.

- Tập trung huy động các nguồn lực tài chính trong xã hội để thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi, đáp ứng kịp thời nhu cầu vay vốn của người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Tính đến hết tháng 9/2014, tổng dư nợ cho vay tại NHCSXH đạt 126.523 tỷ đồng. Vốn tín dụng tại NHCSXH cơ bản đã đáp ứng nhu cầu vốn của người nghèo và các đối tượng chính sách khác để phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao thu nhập, góp phần thực hiện được mục tiêu giảm nghèo. Dư nợ tập trung chủ yếu tại một số chương trình tín dụng chính sách lớn như cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, học sinh sinh viên (HSSV), nước sạch và vệ sinh môi trường (NS&VSMTNT), hộ gia đình sản xuất, kinh doanh vùng khó khăn, giải quyết việc làm, hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở.

Sau gần 12 năm hoạt động, đã có trên 24,8 triệu lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo và đối tượng chính sách khác được vay vốn tín dụng ưu đãi, góp phần giúp trên 3,2 triệu hộ vượt qua ngưỡng nghèo, thu hút tạo việc làm cho trên 10 triệu lao động, trong đó có hơn 100 nghìn lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, hơn 3 triệu HSSV được vay vốn học tập, xây dựng trên 5 triệu công trình NS&VSMTNT nông thôn, gần 7 nghìn chòi tránh lũ cho hộ nghèo tại 7 tỉnh miền Trung, gần 94 nghìn ngôi nhà cho hộ gia đình vượt lũ vùng ĐBSCL, gần 484 nghìn căn nhà cho hộ nghèo và các hộ gia đình chính sách chưa có nhà ở trên toàn quốc.

Bên cạnh NHCSXH, người nghèo tại Việt Nam còn được tiếp cận nguồn vốn vay thông qua các tổ chức TCVM khác. Đó là hệ thống

Bảng 1. Bức tranh tín dụng vi mô tại Việt Nam giai đoạn 2005 – 2013

	Số lượng khách hàng (triệu người)				Dư nợ tín dụng vi mô (triệu USD)			
	2005*	2010	2012	2013	2005*	2010	2012	2013
NHCSXH	3,8	7,8	5,76	6,98	1064	4398	4142	5350
NHNN&PTNT	2,88	3,2	1,63	1,49	3771	3500	1452	1390
NHHTX/QTDND*	0,85	0,95	1,07	1,12	700	1006	1051	1294
Các TCTCVM	0,28	0,6	0,48	0,50	47,4	75	108	113
Tổng	7,81	12,55	8,94	10,09	5583	8979	6753	8147

Nguồn: (World Bank, 2007); (ADB, 2010, 2013); * là số liệu ước tính.

Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) với hơn 1.145 QTDND cơ sở trên khắp cả nước, với tổng dư nợ hơn 45.950 tỷ đồng (tính đến hết Quý I/2014). Bên cạnh đó còn có hệ thống các tổ chức TCVM khác. Theo thống kê của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), tính đến ngày 30/9/2014 tại Việt Nam có 3 tổ chức TCVM được NHNN cấp phép là: TCVM Tỉnh thương, TCVM M7 và TCVM Thanh Hóa. Tổng dư nợ của TCVM Tỉnh thương và TCVM M7 là 787,6 tỷ đồng. Ngoài ra theo kết quả sơ kết 2 năm thực hiện xây dựng và phát triển hệ thống TCVM ở Việt Nam, đã có 75 chương trình, dự án TCVM tại 23 tỉnh, thành phố. Tổng vốn chủ sở hữu đạt 1.374 tỷ đồng, tổng tài sản đạt 2.123 tỷ đồng, tổng dư nợ là 1.986 tỷ đồng và khách hàng là 782.076 hộ gia đình. Các tổ chức TCVM đã cải thiện khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính cho người nghèo và thu nhập thấp, từ đó mang lại hiệu quả kinh tế lớn cho hàng triệu hộ gia đình. Trên 90% khách hàng là hộ nghèo đã gia tăng thu nhập và có vốn đầu tư cho sản xuất kinh doanh đáng kể từ khi sử dụng dịch vụ TCVM.

Như vậy có thể thấy việc cho vay đối với người nghèo thông qua các tổ chức TCVM tại Việt Nam trong thời gian qua đã mang lại những kết quả tích cực, góp phần tạo đòn bẩy giúp người nghèo vượt qua khó khăn và nâng cao chất lượng cuộc sống. Tuy nhiên, đây mới chỉ là những thành tựu bước đầu và vẫn còn tồn tại không ít những khó khăn, hạn chế trong quá trình triển khai cho vay người nghèo.

2.2. Những hạn chế trong cho vay người nghèo thông qua các tổ chức tài chính vi mô

Hiệu quả tín dụng dành cho người nghèo được nhìn nhận ở hai góc độ: Vốn vay phải được hoàn



trả đúng hạn, và hiệu quả vốn vay mang lại phải giúp cho người nghèo cải thiện thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống gia đình. Khi đánh giá dựa trên hai yếu tố trên thì việc cho vay đối với người nghèo tại Việt Nam trong thời gian qua còn một số tồn tại sau đây:

Thứ nhất, khả năng hấp thụ vốn của người nghèo trong một số trường hợp còn hạn chế.

Với trình độ có hạn, rất nhiều trường hợp người nghèo vay được vốn nhưng lại không triển khai được phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả. Việc cho người nghèo vay sản xuất kinh doanh chưa gắn kết tốt với chuyên gia khoa học kỹ thuật, hướng dẫn cách thức sản xuất kinh doanh, chưa kết nối sản xuất với thị trường hàng hóa; một bộ phận người nghèo sử dụng vốn vay chưa đúng mục đích đã hạn chế hiệu quả của vốn vay...

Ngoài ra, hiện nay tỷ lệ lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, nhất là người dân tộc thiểu số được học nghề còn thấp. Số người nghèo được đào tạo làm nghề mới không nhiều, phần lớn vẫn làm nghề cũ và chủ yếu là đào tạo ngắn hạn. Một số nơi hiệu quả đào tạo nghề chưa cao, dạy nghề chưa gắn với nhu cầu của thị trường lao động. Bên cạnh đó, vấn đề tạo việc làm tại khu vực nông thôn còn gặp nhiều khó khăn, các chính sách chưa đủ sức hấp dẫn, thu hút doanh nghiệp đến đầu tư, tạo việc làm tại các địa bàn này, nhất là các khu vực khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

Thứ hai, người nghèo thường có tâm lý ỷ lại trong quá trình vay vốn, ý thức sử dụng vốn và hoàn trả nợ vay còn thấp.

Lãi suất thấp, tập trung vào việc giải ngân mà không chú trọng đến tính hiệu quả của phương án vay vốn và khả năng trả nợ, khiến người nghèo lầm tưởng các chương trình này là một hoạt động xã hội. Trong một số trường hợp, người đi vay còn cố tình vỡ nợ vì họ tin rằng chính phủ sẽ xóa nợ cho họ hoặc sẽ không có những hành động chống lại người vỡ nợ thuộc lĩnh vực ưu tiên, từ đó làm cho kỷ luật tài chính bị tổn thương. Mặt khác, chính sách tín dụng rẻ khiến nguồn cung tín dụng không đủ đáp ứng cầu. Đây là nguy cơ dẫn đến tệ nạn tham nhũng, hối lộ và tình trạng cán bộ công chức địa phương lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để đưa gia đình, người thân

hay quen biết vào các tổ vay vốn.

Thứ ba, các sản phẩm cho vay còn hạn chế, có tâm lý cào bằng khi cấp tín dụng cho người nghèo.

Các sản phẩm cho vay dành cho người nghèo hiện nay tuy được đa dạng theo nhiều mục đích, nhiều đối tượng vay vốn, nhưng chưa bám sát với nhu cầu thực tế của người nghèo. Hầu hết các chính sách tài chính dành cho người nghèo đều tập trung vào tín dụng phục vụ sản xuất kinh doanh, chủ yếu là tín dụng sản xuất nông nghiệp mà bỏ qua các nhu cầu vay vốn khác của người nghèo như: Vay tiêu dùng, vay sản xuất phi nông nghiệp. Rất nhiều nhu cầu tài chính của người nghèo không được xem là đối tượng vay vốn nên dẫn đến tình trạng người nghèo phải đi vay bên ngoài với lãi suất cao.

Việc xác định mức cho vay thường dựa vào hạn mức tối đa áp dụng cho từng đối tượng ở mỗi thời kỳ. Đơn cử như theo quy định của NHCSXH thì mức cho vay tối đa với mỗi hộ nghèo là 50 triệu đồng (bao gồm cả nhu cầu sản xuất kinh doanh và nhu cầu thiết yếu về nhà ở, nước sạch, điện thấp sáng, chi phí học tập cho con em học trường phổ thông). Việc ấn định mức cho vay tối đa cho một hộ nghèo đồng loạt như vậy dẫn đến hiện tượng người không cần vẫn vay vốn với mức tối đa sẽ sử dụng vốn vào trong sinh hoạt hàng ngày, còn những hộ thiếu vốn lại không có đủ vốn để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh. Xét về bản chất của hoạt động tín dụng thì việc cho vay thừa hay thiếu so với nhu cầu vay thật sự của khách hàng đều có thể gây ra rủi ro tín dụng.

Một số sản phẩm cho vay còn mang nặng tính hành chính, việc xét duyệt cho vay dựa vào những đối tượng được Nhà nước ưu đãi, phải có xác nhận của địa phương. Ví dụ, đối với sản phẩm cho vay hộ nghèo của NHCSXH, thì hộ phải có tên trong danh sách hộ nghèo tại xã, phường, thị trấn theo chuẩn hộ nghèo do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội công bố từng thời kỳ. Cách làm này chỉ mang lại hiệu quả về mặt ngắn hạn cho người nghèo và khó tạo ra giải pháp thoát nghèo bền vững. Đó là một số hộ đứng trước ngưỡng cửa tái nghèo, cuộc sống còn gặp nhiều khó khăn do thiếu vốn để duy trì các hoạt động sản xuất, kinh



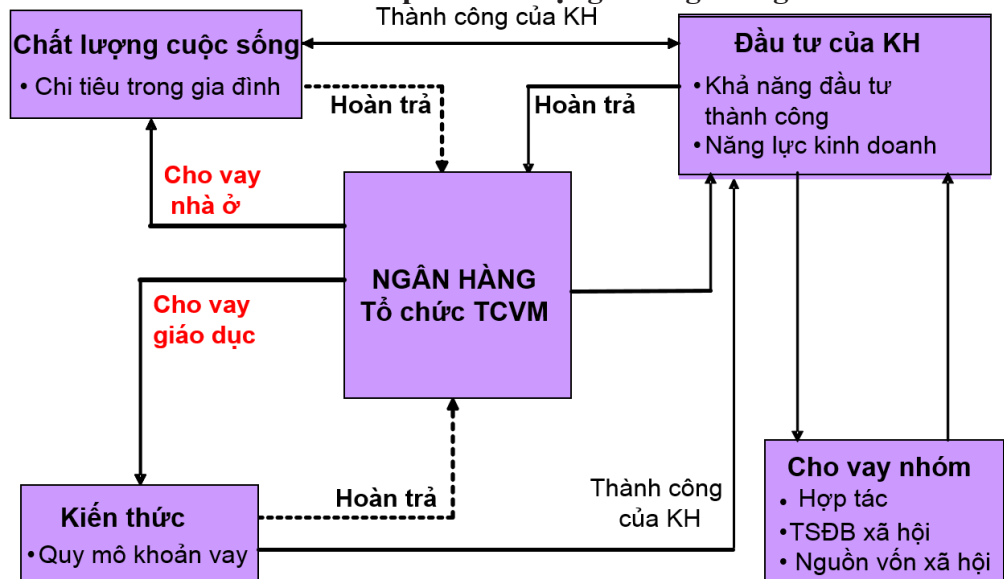
doanh, bởi vì sau khi thoát nghèo, họ không còn là đối tượng phục vụ của NHCSXH nữa nên không thể vay vốn ưu đãi.

Thứ tư, các tổ chức TCVM mới chỉ tập trung cung cấp các sản phẩm tín dụng mà chưa đẩy mạnh các dịch vụ tài chính khác cho người nghèo.

Vốn tín dụng là đòn bẩy giúp người nghèo phá vỡ “vòng luẩn quẩn” nghèo đói. Kết quả cho vay đối với người nghèo tại Việt Nam trong thời gian qua đã mang lại dấu hiệu tích cực. Tuy nhiên người nghèo cần dịch vụ tài chính đa dạng và đồng bộ. Ngoài tín dụng, người nghèo còn cần cả sản phẩm tiết kiệm nhỏ và bảo hiểm vi mô.

Các tổ chức TCVM tại Việt Nam đã triển khai cung cấp sản phẩm tiết kiệm dành riêng cho người nghèo. Tuy nhiên các sản phẩm tiết kiệm này vẫn chưa thật sự huy động được tiết kiệm của người nghèo một cách hiệu quả. Điều này thể hiện ở nguồn vốn huy động từ tiết kiệm của người nghèo còn rất thấp. Như trường hợp của NHCSXH, trong tổng cơ cấu nguồn vốn năm 2012, nguồn vốn huy động theo lãi suất thị trường chiếm 42,61%, trong đó huy động từ tiết kiệm của người nghèo chỉ chiếm 3,94% nguồn vốn huy động này. Tuy sản phẩm tiết kiệm được triển khai cho phần lớn các thành viên trong Tổ tiết kiệm và vay vốn, nhưng số tiền tiết kiệm bình quân của mỗi hộ còn khá thấp, khoảng 75.000đ/tháng. Con số này không phản ánh được nhu cầu tiết kiệm của hộ. Việc huy động tiết kiệm này về cơ bản chỉ đóng vai trò giúp các hộ vay vốn giảm gánh nặng trả nợ cho ngân hàng, giúp người nghèo hình thành thói quen tư duy kinh tế trong việc sử dụng đồng vốn bảo đảm hiệu quả, tăng thêm sự đoàn kết, tương trợ lẫn nhau giữa

Hình 1. Các sản phẩm tín dụng cho người nghèo



các thành viên trong tổ.

Ngoài ra, các sản phẩm bảo hiểm vi mô dành cho người nghèo vẫn còn là một khoảng trống khá lớn. Mặc dù phần lớn các hộ gia đình nông thôn hiện vẫn hiểu nhầm về bảo hiểm vi mô, dịch vụ này hiện nay đã được công nhận là rất thiết yếu cho người nghèo, đặc biệt là người nghèo ở nông thôn, những người dễ bị tổn thương nhất từ các cú sốc kinh tế như chết, ốm đau và mất tài sản. Thông thường hộ nghèo đối phó với các biến cố này trong cuộc sống bằng cách dựa vào tiết kiệm, vay mượn, hoặc bán tài sản. Tuy nhiên các phương thức này có thể làm cho họ nghèo hơn. Vì vậy họ rất cần những dịch vụ bảo hiểm vi mô do chính các tổ chức TCVM cung cấp để bảo vệ chống lại các biến động về thu nhập.

3. Một số đề xuất để nâng cao hiệu quả cho vay người nghèo thông qua các tổ chức tài chính vi mô tại Việt Nam

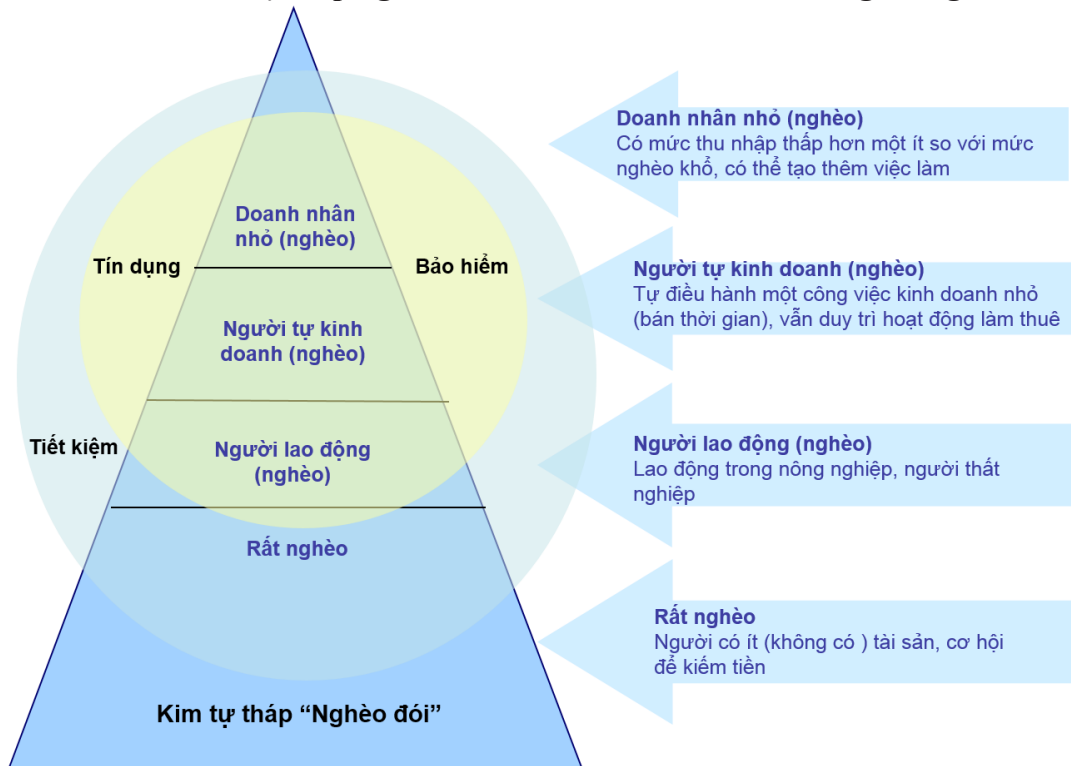
Để tiếp tục nâng cao hiệu quả cho vay người nghèo trong thời gian tới, cần có những giải pháp đồng bộ, bám sát nhu cầu thật sự của người nghèo, thay đổi tư duy xem người nghèo là đối tượng khách hàng thực sự của tổ chức TCVM?. Trong phạm vi nghiên cứu của bài viết, tác giả xin đề xuất một số giải pháp sau đây:

Một là, thiết kế các sản phẩm cho vay phù hợp với đặc thù của người nghèo

Đa dạng hóa các mục đích cho vay, bên cạnh



Hình 2. Kim tự tháp nghèo đói và nhu cầu tài chính của người nghèo



Nguồn: Dr. Amit K. Dwivedi - Entrepreneurship Development Institute of India Gandhinagar, Gujarat, “Micro-Finance: A Tool to Empowerment & Development”

cho vay phục vụ sản xuất kinh doanh cũng cần chú trọng đến cho vay phục vụ các nhu cầu chi tiêu thiết yếu của người nghèo.

Hình 1 cho thấy, người nghèo có nhu cầu tài chính tổng hợp, bao gồm cả đầu tư sản xuất kinh doanh (SXKD) và chi tiêu cho giáo dục, nâng cao chất lượng cuộc sống. Các khoản vay phục vụ cho nhu cầu chi tiêu của người nghèo tuy không trực tiếp tạo ra dòng tiền cho việc trả nợ nhưng sẽ gián tiếp tác động đến khả năng trả nợ thông qua việc tăng khả năng thành công trong các phương án SXKD.

Việc thiết kế các điều khoản cho vay, đặc biệt là lịch thu hồi nợ phải phù hợp với khả năng tạo ra dòng tiền của từng đối tượng khách hàng người nghèo. Cần có sự phân biệt giữa những hộ có thu nhập theo thời vụ (ví dụ: hộ sản xuất nông nghiệp) và những hộ có thu nhập thường xuyên (ví dụ: những hộ có lao động làm thuê hoặc buôn bán nhỏ). Thiết kế lịch thu nợ hợp lý là một trong những yếu tố rất quan trọng để góp phần tăng khả năng trả nợ và thiện chí trả nợ của khách hàng.

Hai là, nâng cao hiệu quả việc tổ chức các tổ,

nhóm vay vốn

Đây là cách thức cho vay đặc biệt phù hợp đặc thù quản lý những khoản vay giá trị nhỏ, số lượng món vay lớn. Cần đẩy mạnh cho vay theo các tổ liên danh. Theo kiểu tổ chức này, mỗi thành viên trong tổ phải trực tiếp chịu trách nhiệm trước việc hoàn trả đúng hạn của các thành viên còn lại trong tổ. Trong trường hợp có thành viên trong tổ không trả nợ đúng hạn thì các thành viên khác phải chịu liên đới trách nhiệm. Trong trường hợp chưa trả dứt nợ cũ, ngân hàng sẽ không cho tổ vay món mới. Cách cho vay này sẽ dùng áp lực nhóm để nâng cao hiệu quả giám sát vốn vay và khả năng thu hồi nợ cho tổ chức TCVM. Ngoài ra, Tổ nhóm phải chứng minh được khả năng quản lý hoạt động SXKD, có kế hoạch sản xuất cụ thể, có điều lệ hoạt động rõ ràng, tuân thủ các quy tắc của cộng đồng nơi sinh sống, đảm bảo truyền đạt được kỹ năng SXKD cho các thành viên.

Ba là, thúc đẩy các giải pháp nhằm gia tăng tài sản đảm bảo, từ đó góp phần nâng cao khả năng trả nợ của người nghèo

Như đã phân tích ở trên, các NHTM thường



quan niệm rằng người nghèo là đối tượng không có tài sản đảm bảo, do đó cho vay đối với đối tượng này là cực kỳ rủi ro. Quan điểm này chỉ đúng về mặt hình thức, biểu hiện bên ngoài dưới trạng thái vật chất của tài sản. Xét về mặt bản chất kinh tế, các nhà kinh tế học cho rằng bất kỳ người nghèo nào cũng có tài sản đảm bảo, đó không hẳn là những tài sản hữu hình như đất đai, nhà cửa... Tài sản đảm bảo của người nghèo là ý thức tiết kiệm và khả năng tiết kiệm. Đây được xem là một hình thức “tài sản đảm bảo mềm” của người nghèo. Có hai cách để một người nghèo có một số tiền lớn để đáp ứng nhu cầu chi tiêu hoặc đầu tư của mình. *Một là*, tiết kiệm cho đến khi đủ số tiền mong muốn để chi tiêu trong tương lai (sử dụng thu nhập trong quá khứ). *Hai là*, vay để chi tiêu sau đó dùng nguồn tiết kiệm trong tương lai để trả nợ (sử dụng thu nhập trong tương lai). Như vậy rõ ràng tiết kiệm và khả năng trả nợ có mối tương quan với nhau. Khi người nghèo đã có ý thức tiết kiệm, có khả năng tiết kiệm thì đó là một minh chứng khá rõ ràng cho khả năng trả nợ của họ trong tương lai.

Theo phân tích nhu cầu tài chính người nghèo như Hình 2 cho thấy, người nghèo cần vay vốn ở một số thời điểm. Tuy nhiên ở bất kỳ lúc nào họ cũng cần đến sản phẩm tiết kiệm. Nguồn vốn tích lũy thông qua tiết kiệm là nền tảng vững chắc giúp họ thoát nghèo. Vì vậy, các tổ chức TCVM cần quan tâm thiết kế sản phẩm tiết kiệm phù hợp đối tượng khách hàng là người nghèo. Người nghèo cần loại hình tiết kiệm vừa an toàn vừa dễ thanh khoản. Họ ít quan tâm tới lãi suất thu được từ tiền tiết kiệm, vì họ không quen với loại hình tiết kiệm dưới dạng các giấy tờ có giá, mà quan tâm đến loại hình tiết kiệm dễ dàng thanh khoản để đáp ứng nhu cầu khẩn cấp và mua sắm tài sản. Dịch vụ tiết kiệm cần được điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu của người nghèo về chu chuyển tiền mặt. Thông thường người nghèo không chỉ có thu nhập thấp mà nguồn thu của họ rất thất thường. Vì thế, để tăng tỷ lệ tiết kiệm của người nghèo thì cần phải tạo ra sự linh hoạt cả về số tiền gửi lẫn tần suất gửi.

Ngoài ra, TVCM cũng cần phải quan tâm cung ứng các sản phẩm tiết kiệm vi mô cho người

nghèo. Đây cũng có thể xem là tài sản đảm bảo thứ cấp cho khoản vay của người nghèo, đặc biệt là giúp họ vượt qua những khó khăn tài chính trước những biến cố có thể tác động đến thu nhập trong tương lai.

Bốn là, tăng cường công tác đào tạo, tập huấn cho người nghèo vay vốn

Một trong những nguyên nhân cơ bản làm giảm khả năng hấp thụ vốn của người nghèo là do thiếu kiến thức, kỹ năng trong sản xuất kinh doanh, kỹ năng quản lý tài chính gia đình... Kinh nghiệm của một số tổ chức TCVM trên thế giới cho thấy, việc đào tạo, tập huấn các kiến thức và kỹ năng cho người nghèo là yếu tố rất quan trọng không chỉ góp phần nâng cao khả năng hấp thụ vốn, hiệu quả sản xuất kinh doanh của người nghèo mà còn hướng người nghèo đến một cuộc sống tốt hơn, tránh xa các tệ nạn xã hội và đặc biệt là nâng cao thiện chí trả nợ, ý thức tiết kiệm để thoát nghèo bền vững.

Năm là, phát triển các sản phẩm bảo hiểm vi mô cho người nghèo.

Để thành công trong việc giúp người nghèo thoát nghèo bền vững, cần phải có một cái nhìn rộng hơn và cung cấp đồng bộ các dịch vụ tài chính cho người nghèo, trong đó bảo hiểm vi mô là một trong những dịch vụ hữu ích.

Do khả năng tài chính hạn chế nên người nghèo rất dễ bị tổn thương bởi các biến cố xảy ra trong cuộc sống như: thiên tai, mất cắp, bệnh tật, tai nạn... Vì vậy, bảo hiểm vi mô là công cụ cần thiết giúp người nghèo vượt qua các khó khăn, đặc biệt là các khó khăn tài chính. Việc triển khai các sản phẩm bảo hiểm vi mô cho người nghèo cần phải có chiến lược cụ thể, có sự tham gia của cả tổ chức TCVM và cả các cơ quan nhà nước. Bởi lẽ, hiện nay người nghèo thường không hiểu hoặc có thành kiến với bảo hiểm. Ngoài ra, sản phẩm này còn đòi hỏi năng lực chuyên môn trong việc thiết kế, định giá bảo hiểm- một công việc khá phức tạp do sự thiếu dữ liệu và tính tin cậy của thông tin cần thiết về người nghèo phục vụ cho việc định giá sản phẩm. Bên cạnh đó, cần phải xây dựng được một hệ thống phân phối có thể xử lý được các giao dịch tài chính quy mô nhỏ một cách hiệu quả tại các địa điểm thuận



tiện và tạo ra niềm tin cho người nghèo.

Sáu là, cần có giải pháp để phát triển bền vững các tổ chức TCVM

Cần hoàn thiện các cơ chế đồng bộ phù hợp với tính chất đặc thù các tổ chức TCVM, nâng cao năng lực tài chính, quản trị hoạt động của các tổ chức TCVM, chương trình dự án TCVM. Cần ban hành bổ sung, hoàn thiện quy định về cấp phép, tổ chức hoạt động, các quy định về an toàn, phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro cho tổ chức TCVM. Các quy định cần bảo đảm cho các tổ chức TCVM hoạt động theo một hệ thống các chuẩn, qua đó tăng cường tính chuyên nghiệp; đồng thời các quy định cũng cần phải bảo đảm thật đơn giản, dễ hiểu, dễ tham chiếu, dễ thực thi và giảm thiểu tối đa việc áp dụng các quy chuẩn của các loại hình tổ chức tín dụng khác vào các tổ chức TCVM. Bên cạnh đó để hoạt động của TCVM bền vững theo thông lệ quốc tế, cần hoàn thiện quy định về lãi suất cho TCVM theo hướng thỏa thuận trên cơ sở bù đắp đủ chi phí nhưng vẫn đảm bảo quyền lợi cho người nghèo. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dr. Amit K. Dwivedi- *Entrepreneurship Development Institute of India Gandhinagar, Gujarat, "Micro-Finance: A Tool to Empowerment & Development"*
2. Stuart Rutherford- *Institute for Development Policy and Management University of Manchester (1999), "The*

Poor and Their Money, An essay about financial services for poor people"

3. ThS. Nguyễn Thị Thanh Nhân, "Tạo cơ chế để thúc đẩy tài chính vi mô phát triển", *Tạp chí Tài chính số 5/2014*
4. "Tin dụng chính sách trong công tác giảm nghèo bền vững tại Việt Nam", <http://www.vbsp.org.vn>
5. PGS.TS Nguyễn Kim Anh và nhóm nghiên cứu, "Tài chính vi mô tại Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị chính sách", năm 2014

tiếp theo trang 32

công nghệ, số 5 (40).

5. Frank. M.Z. & V.K. Goyal, 2008, "Trade-off and Pecking Order Theories of Debt".
6. Lê Thị Kim Thư (2012), "Phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới cấu trúc vốn của các công ty cổ phần ngành bất động sản niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh"
7. Mohammad Fawzi Shubita & Jaafer Maroof alsawalhah, "The Relationship between Capital Structure and Profitability", *International Journal of Business and Social Science, No 16.*
8. Nguyen Thi Canh & Nguyen Thanh Cuong, "The Determinants of Capital Structure for Viet Nam's Seafood Processing Enterprises".

SUMMARY

Improve the efficiency of lending services to the poor by Microfinance Institution in Vietnam

Credit funds have recently made a greater contribution to develop production and business of the poor in Vietnam, thus eliminating poverty. The poor in this nation with unique characteristics, often access credit through MFI as a companion. In spite of considerable achievements during the past decades, there are still numerous challenges to overcome, gradually enhancing the effectiveness of lending to the poor by MFIs in the coming years.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Trần Thanh Long, Thạc sỹ

Đơn vị công tác: Học viện Ngân hàng – Phân viện Phú yên

Lĩnh vực nghiên cứu chính: Tiền tệ - Ngân hàng

Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải: Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng; Tạp chí Công nghệ Ngân hàng

Email: longnganhang@gmail.com